

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

**Thời khóa biểu đăng ký môn học**

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                         | Số TC | Sĩ số | Họ và tên            | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp          | Tuần học             |
|-----|--------|-------------------------------------|-------|-------|----------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|------------------|----------------------|
| 1   | 822308 | Lịch sử Việt Nam cận hiện đại       | 4     | 25    | Trần Văn Đại Lợi     | 11238        | 01   |       | 3   | 1       | 3       | C.E604   | DLD1241          | 12-----              |
| 2   |        |                                     | 4     | 25    | Trần Văn Đại Lợi     | 11238        |      |       | 4   | 1       | 2       | C.B006   | DLD1241          | --34567---123-5----- |
| 3   |        |                                     | 4     | 25    | Trần Văn Đại Lợi     | 11238        |      |       | 4   | 1       | 2       | C.B006   | DLD1241          | 12-----              |
| 4   |        |                                     | 4     | 25    | Trần Văn Đại Lợi     | 11238        |      |       | 5   | 1       | 3       | C.E202   | DLD1241          | --34567---123-5----- |
| 5   |        |                                     | 4     | 25    | Trần Văn Đại Lợi     | 11238        |      |       | 5   | 1       | 3       | C.E202   | DLD1241          | 12-----              |
| 6   | 822309 | Bản đồ và hệ thống thông tin Địa lí | 3     | 40    | Trần Thị Tuyền       | 11782        | 01   |       | 5   | 3       | 3       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----    |
| 7   |        |                                     | 3     | 40    | Trần Thị Tuyền       | 11782        |      |       | 6   | 4       | 2       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----    |
| 8   | 822312 | Đô thị thế giới và Việt Nam         | 3     | 55    | Lê Thúy Hương        | 11148        | 01   |       | 3   | 4       | 2       | C.E203   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 9   |        |                                     | 3     | 55    | Trần Thị Thái Hà     | 11149        |      |       | 3   | 4       | 2       | C.E203   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 10  |        |                                     | 3     | 55    | Trần Thị Thái Hà     | 11149        |      |       | 4   | 3       | 3       | C.E203   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 11  |        |                                     | 3     | 55    | Lê Thúy Hương        | 11148        |      |       | 4   | 3       | 3       | C.E203   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 12  | 822313 | Biển, đảo Việt Nam                  | 3     | 55    | Nguyễn Hà Quỳnh Giao | 11292        | 01   |       | 5   | 4       | 2       | C.E303   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 13  |        |                                     | 3     | 55    | Đỗ Cao Phúc          | 10599        |      |       | 5   | 4       | 2       | C.E303   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 14  |        |                                     | 3     | 55    | Nguyễn Hà Quỳnh Giao | 11292        |      |       | 6   | 3       | 3       | C.E104   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 15  |        |                                     | 3     | 55    | Đỗ Cao Phúc          | 10599        |      |       | 6   | 3       | 3       | C.E104   | DLD1241,DL D1231 | --34567---123-5----- |
| 16  | 822315 | Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam    | 3     | 25    | Phạm Thị Bạch Tuyết  | 10973        | 01   |       | 3   | 6       | 3       | C.B006   | DLD1241          | 1234567---12-----    |
| 17  |        |                                     | 3     | 25    | Phạm Thị Bạch Tuyết  | 10973        |      |       | 5   | 6       | 2       | C.B004   | DLD1241          | 1234567---12-----    |
| 18  | 822318 | Địa lí tự nhiên các lục địa         | 3     | 40    | Trần Thị Tuyền       | 11782        | 01   |       | 5   | 1       | 2       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----    |
| 19  |        |                                     | 3     | 40    | Trần Thị Tuyền       | 11782        |      |       | 6   | 1       | 3       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----    |
| 20  | 822320 | Thực tế chuyên môn 2 (DLD)          | 2     | 0     |                      |              | 01   |       | 0   | 0       | 5       |          | DLD1241          |                      |

## Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học                                | Số TC | Sĩ số | Họ và tên           | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp          | Tuần học           |
|-----|--------|--------------------------------------------|-------|-------|---------------------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|------------------|--------------------|
| 21  | 822328 | Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử     | 3     | 40    | Phạm Xuân Vũ        | 11324        | 01   |       | 2   | 3       | 3       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----  |
| 22  |        |                                            | 3     | 40    | Phạm Xuân Vũ        | 11324        |      |       | 3   | 4       | 2       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----  |
| 23  | 822329 | Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí      | 3     | 40    | Trần Quốc Việt      | 11237        | 01   |       | 3   | 1       | 3       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----  |
| 24  |        |                                            | 3     | 40    | Trần Quốc Việt      | 11237        |      |       | 4   | 4       | 2       | C.B004   | DLD1251          | 1234567---12-----  |
| 25  | 822337 | Phong trào nông dân Việt Nam trong lịch sử | 2     | 25    | Trần Thị Thái Hà    | 11149        | 01   |       | 3   | 3       | 3       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 26  |        |                                            | 2     | 25    | Trần Thị Thái Hà    | 11149        |      |       | 4   | 3       | 3       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 27  | 822338 | Lịch sử quan hệ quốc tế                    | 3     | 25    | Nguyễn Thị Hương    | 11780        | 01   |       | 5   | 2       | 4       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 28  |        |                                            | 3     | 25    | Nguyễn Thị Hương    | 11780        |      |       | 5   | 4       | 2       | C.B004   | DLD1221          | -----1----         |
| 29  |        |                                            | 3     | 25    | Nguyễn Thị Hương    | 11780        |      |       | 6   | 2       | 4       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 30  |        |                                            | 3     | 25    | Nguyễn Thị Hương    | 11780        |      |       | 6   | 3       | 3       | C.B004   | DLD1221          | -----1----         |
| 31  | 822401 | Nhân học và Khảo cổ học đại cương          | 3     | 40    | Đào Vĩnh Hợp        | 11133        | 01   |       | 2   | 9       | 2       | C.E504   | DLD1251          | 1234567---12-----  |
| 32  |        |                                            | 3     | 40    | Đào Vĩnh Hợp        | 11133        |      |       | 6   | 6       | 3       | C.E604   | DLD1251          | 1234567---12-----  |
| 33  | 822403 | Một số vấn đề về địa lí tự nhiên           | 2     | 25    | Hoàng Thị Kiều Oanh | 10780        | 01   |       | 2   | 3       | 3       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 34  |        |                                            | 2     | 25    | Hoàng Thị Kiều Oanh | 10780        |      |       | 6   | 6       | 3       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 35  | 822404 | Một số vấn đề về địa lí kinh tế - xã hội   | 3     | 25    | Trần Quốc Việt      | 11237        | 01   |       | 2   | 6       | 3       | C.E504   | DLD1221          | -----67890----     |
| 36  |        |                                            | 3     | 25    | Trần Quốc Việt      | 11237        |      |       | 3   | 6       | 3       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 37  |        |                                            | 3     | 25    | Trần Quốc Việt      | 11237        |      |       | 5   | 6       | 3       | C.B004   | DLD1221          | -----67890----     |
| 38  | 822408 | Thực hành sư phạm 2                        | 1     | 55    | Lã Thúy Hường       | 11148        | 01   |       | 3   | 6       | 3       | C.HTA404 | DLD1241,DL D1231 | -----5-----        |
| 39  |        |                                            | 1     | 55    | Lã Thúy Hường       | 11148        |      |       | 4   | 6       | 3       | C.HTA404 | DLD1241,DL D1231 | --34567---123----- |
| 40  |        |                                            | 1     | 55    | Lã Thúy Hường       | 11148        |      |       | 4   | 6       | 3       | C.HTA404 | DLD1241,DL D1231 | -----5-----        |
| 41  | 863014 | Thực tập sư phạm 2                         | 6     | 1000  |                     |              | 01   |       | 2   | 1       | 5       | TTSP10   | DLD1221          | ---4567---123----- |
| 42  |        |                                            | 6     | 1000  |                     |              |      |       | 2   | 6       | 5       | TTSP10   | DLD1221          | ---4567---123----- |
| 43  |        |                                            | 6     | 1000  |                     |              |      |       | 3   | 1       | 5       | TTSP10   | DLD1221          | ---4567---123----- |
| 44  |        |                                            | 6     | 1000  |                     |              |      |       | 3   | 6       | 5       | TTSP10   | DLD1221          | ---4567---123----- |
| 45  |        |                                            | 6     | 1000  |                     |              |      |       | 4   | 1       | 5       | TTSP10   | DLD1221          | ---4567---123----- |
| 46  |        |                                            | 6     | 1000  |                     |              |      |       | 4   | 6       | 5       | TTSP10   | DLD1221          | ---4567---123----- |
| 47  |        |                                            | 6     | 1000  |                     |              |      |       | 5   | 1       | 5       | TTSP10   | DLD1221          | ---4567---123----- |

### Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 17). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 22/12/2025

| STT | Mã MH  | Tên môn học        | Số TC | Sĩ số | Họ và tên | Mã viên chức | Nhóm | Tổ TH | Thứ | Tiết BD | Số tiết | Mã phòng | Tên lớp | Tuần học           |
|-----|--------|--------------------|-------|-------|-----------|--------------|------|-------|-----|---------|---------|----------|---------|--------------------|
| 48  | 863014 | Thực tập sư phạm 2 | 6     | 1000  |           |              | 01   |       | 5   | 6       | 5       | TTSP10   | DLD1221 | ---4567---123----- |
| 49  |        |                    | 6     | 1000  |           |              |      |       | 6   | 1       | 5       | TTSP10   | DLD1221 | ---4567---123----- |
| 50  |        |                    | 6     | 1000  |           |              |      |       | 6   | 6       | 5       | TTSP10   | DLD1221 | ---4567---123----- |

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu